

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2018/HS-ST
Ngày 06-02-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hoàn;
2. Bà Nguyễn Thị Thu Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Quyết, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 374/2017/TLST-HS ngày 01 tháng 12 năm 2017 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 483/2017/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 12 năm 2017 đối với bị cáo:

Nguyễn Hữu Q, sinh năm 1990 tại tỉnh T; thường trú: Thôn B, xã X, huyện A, tỉnh T; chỗ ở: 166/8 khu phố T, phường Đ, thị xã D, tỉnh B; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Hữu H, sinh năm 1950 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1953 (đã chết); bị cáo có 07 anh chị em ruột, lớn nhất sinh năm 1980, nhỏ nhất sinh năm 1996; tiền án: Bị cáo có 02 tiền án:

- Ngày 20/6/2014 bị Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố H xử phạt 01 năm tù về Tội trộm cắp tài sản theo Bản án số 147/2014/HSST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 15/02/2015.

- Ngày 20/9/2016 bị Tòa án nhân dân thị xã D xử phạt 03 tháng 03 ngày tù về Tội trộm cắp tài sản theo Bản án số 309/2016/HSST, được trả tự do tại phiên tòa.

Tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam trong vụ án khác, hiện đang chấp hành hình phạt tù chung thân tại Trại giam Y, có mặt.

- Người bị hại: Chị Thạch Thị H, sinh năm 1985; địa chỉ: Số 14/13 khu phố T, phường Đ, thị xã D, tỉnh B, vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Lý Thị Tuyết T, sinh năm 1975; thường trú: Số 28A KV1, thị trấn Đ, huyện G, tỉnh L, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 04 giờ ngày 25/10/2016 bị cáo Nguyễn Hữu Q đi qua nhà trọ của chị Thạch Thị H tại 14/13 khu phố T, phường Đ, thị xã D, tỉnh B nhìn thấy xe mô tô hiệu Honda Ablade màu xám đen biển số 61D1-67.831 đang dựng trong phòng, không đóng cửa và không có người trông coi. Nguyễn Hữu Q đi vào phòng dắt xe mô tô ra ngoài, đem về phòng trọ tại 166/8 khu phố T, phường Đ, thị xã D, tỉnh B cất giấu. Đến ngày 28/12/2016, Q điều khiển xe mô tô đến tỉnh L để thăm chị Lê Thị Đ. Ngày 28/12/2016 Q nhờ chị Đ và bà Trà Thị Diễm T (mẹ chị Đ) và ông Đào Văn U dẫn đến gặp chị Lý Thị Tuyết T, chủ tiệm cầm đồ tiệm cầm đồ V.T tại thị trấn Đ, huyện G, tỉnh L và cầm xe mô tô cùng giấy chứng nhận đăng ký xe (có sẵn trong cốp xe) với giá 20.000.000 đồng để sử dụng tiêu xài cá nhân. Ngày 15/11/2016 do bức xúc chuyện tình cảm với chị Đ nên Q đã dùng dao Thái Lan đâm chết chị Đ. Tại cơ quan điều tra Công an tỉnh L, Q đã tự khai nhận toàn bộ hành vi chiếm đoạt mô tô hiệu Honda Ablade màu xám đen biển số 61D1-67.831 của chị H.

Vật chứng thu giữ: 01 xe mô tô hiệu Honda Ablade màu xám đen biển số 61D1-67.831.

Theo kết luận định giá tài sản số 25/BB.ĐG ngày 17/02/2017 của Hội đồng định giá thị xã D kết luận tài sản bị cáo chiếm đoạt trị giá: 23.000.000 đồng (Hai mươi ba triệu đồng).

Tại cáo trạng số: 349/QĐ - KSĐT ngày 29 tháng 11 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân thị xã D, tỉnh B truy tố bị cáo Nguyễn Hữu Q về Tội trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã D giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138; điểm o và p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu Q mức án từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù. Về trách nhiệm dân sự đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải bồi thường cho chị Lý Thị Tuyết T số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Hữu Q thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như trong bản cáo trạng đã nêu và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã D, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy

định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng không khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Khoảng 04 giờ ngày 25/10/2016 tại phòng trọ của chị Thạch Thị H địa chỉ 14/13 khu phố T, phường Đ, thị xã D, tỉnh B, lợi dụng tình trạng phòng của chị H không khóa cửa, không có người trông coi, bị cáo Nguyễn Hữu Q đã lén lút chiếm đoạt xe mô tô hiệu Honda Ablade màu xám đen biển số 61D1-678.31 đem về phòng trọ của Q tại 166/8 khu phố T, phường Đ, thị xã D, tỉnh B cất giấu. Đến ngày 28/12/2016 bị cáo Q đem đến tiệm cầm đồ V.T do chị Lý Thị Tuyết T làm chủ tiệm, tại thị trấn Đ, huyện G, tỉnh L cầm được số tiền 20.000.000 đồng để sử dụng tiêu xài cá nhân. Căn cứ vào kết luận định giá tài sản số 25/BB.ĐG ngày 17/02/2017 của Hội đồng định giá thị xã D xác định tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt của chị Thạch Thị H là 23.000.000 đồng.

Tại khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự quy định: “Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm: ...c) Tái phạm nguy hiểm...”.

Như vậy hành vi của bị cáo Nguyễn Hữu Q chiếm đoạt xe mô tô hiệu Honda Ablade màu xám đen biển số 61D1-67.831 của chị Thạch Thị H đã đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản. Bị cáo Q tái phạm khi chấp hành xong hình phạt 01 năm tù về tội Trộm cắp tài sản (Bản án số 147/2014/HSST ngày 20/6/2014 bị Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố H), chưa được xóa án tích mà lại phạm tội do cố ý nên ngày 20/9/2016 bị Tòa án nhân dân thị xã D xử phạt 03 tháng 03 ngày tù về Tội trộm cắp tài sản theo Bản án số 309/2016/HSST), bị cáo được trả tự do tại phiên tòa. Đến ngày 25/10/2016 bị cáo Q tiếp tục phạm tội mới do cố ý, thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, là tình tiết định khung hình phạt quy định tại theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự. Do đó Cáo trạng số 349/QĐ - KSĐT ngày 29 tháng 11 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã D và luận tội của Kiểm sát viên truy tố đối với bị cáo Nguyễn Hữu Q là có căn cứ đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ của hành vi: Tội phạm do bị cáo Nguyễn Hữu Q thực hiện là nghiêm trọng, gây nguy hại lớn cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vì tham lam tư lợi mong muốn có tiền để tiêu xài nên đã cố ý thực hiện. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo Q mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo đủ để giáo dục, cải tạo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Về vấn đề tổng hợp hình phạt: Bị cáo Q hiện đang chấp hành hình phạt tù chung thân về Tội giết người theo bản án số: 373/2017/HS-PT ngày 24/7/2017 của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ tại Trại giam Y thuộc

Tổng cục VIII. Do đó vấn đề tổng hợp hình phạt không đặt ra trong vụ án này mà thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp tỉnh thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[5] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có.

[6] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải; sau khi phạm tội bị cáo đã tự thú tại Cơ quan Điều tra tỉnh L. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm o và p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử áp dụng để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[7] Về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân xấu, bản thân không có nghề nghiệp ổn định.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị cáo chiếm đoạt là xe mô tô hiệu Honda Ablade màu xám đen biển số 61D1-67.831 của chị Thạch Thị H. Cơ quan điều tra Công an thị xã D đã thu hồi giao trả lại cho chị H và chị không có yêu cầu bồi thường gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Chị Lý Thị Tuyết T là chủ tiệm cầm đồ V.T không biết xe mô tô bị cáo đem đến cầm cố là tài sản do bị cáo phạm tội mà có nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã D không xử lý hành vi của chị T là phù hợp với quy định pháp luật. Đối với số tiền 20.000.000 đồng bị cáo nhận của chị T từ việc cầm xe mô tô Honda Ablade màu xám đen biển số 61D1-678.31, không thu hồi được, nên cần buộc bị cáo phải bồi thường cho chị T toàn bộ số tiền này.

[9] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về mức hình phạt đối với bị cáo và các vấn đề khác là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Hữu Q phạm tội và bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; ngoài ra bị cáo phải bồi thường trách nhiệm dân sự cho chị T nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a và c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu Q phạm Tội trộm cắp tài sản.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009; khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu Q 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 42 Bộ luật Hình sự; Điều 604, Điều 608 Bộ luật Dân sự;

Buộc bị cáo Nguyễn Hữu Q phải bồi thường thiệt hại cho chị Lý Thị Tuyết T số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

3. Án phí sơ thẩm:

Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; điểm a và c khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Hữu Q phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.000.000 đồng (một triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án; riêng những người vắng mặt thời hạn kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Dĩ An;
- Chi cục THADS thị xã Dĩ An;
- Công an thị xã Dĩ An;
- Phòng PV 27 CA tỉnh BD;
- Phòng BC 81 CA tỉnh BD;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, HSYA, THAHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Nga